

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

ThS. VŨ THỊ THANH HẢI\*  
ThS. ĐỖ CHÍ THANH\*

**T**rong vòng 10 năm trở lại đây, Kiểm toán nhà nước (KTNN) đã tiến hành kiểm toán hoạt động một số Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), nhưng chủ yếu chỉ mang tính lồng ghép với kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ. Thực tiễn hoạt động kiểm toán cho thấy còn nhiều bất cập, hạn chế trong hầu hết các giai đoạn của cuộc kiểm toán CTMTQG do KTNN thực hiện: giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, giai đoạn thực hiện kiểm toán và giai đoạn lập báo cáo kiểm toán làm ảnh hưởng đến hiệu quả, chất lượng kiểm toán. Vì vậy, bài viết mong muốn góp phần làm sáng tỏ một số hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác tổ chức kiểm toán hoạt động các chương trình mục tiêu quốc gia do Kiểm toán nhà nước thực hiện để từ đó đưa ra các phương hướng, giải pháp thực hiện kiểm toán hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia một cách hiệu quả và hiệu lực.

**Từ khóa:** Kiểm toán hoạt động (KTHĐ), chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG).

**Solutions to improve performance audit quality conducting with national target programs**

In the past 10 years, State Audit Office of Vietnam (SAV) has conducted audits of a number of national target programs (NTPs), but mainly integrated with financial and compliance audits. The reality of auditing activities shows that there are many shortcomings and limitations in most stages of the NTPs auditing conducted by SAV: audit preparation stage, audit implementation phase and audit reporting period that affect the efficiency and quality of the audit. The author wishes to contribute to clarify some of the limitations and the cause of the limitations in the organization of the audit activities of the national target programs by SAV and to provide effective and efficient directions and solutions to audit the operation of the national target program.

**Keywords:** Performance audit, national target programs.

## 1. Sự cần thiết phải nghiên cứu tổ chức kiểm toán hoạt động đối với Chương trình mục tiêu quốc gia của Kiểm toán nhà nước

Từ khi thành lập đến nay, các cuộc kiểm toán được KTNN thực hiện chủ yếu là kiểm toán tuân thủ và kiểm toán tài chính, còn kiểm toán hoạt động mới bước đầu thực hiện đan xen trong các cuộc kiểm toán chuyên đề hoặc trong một số cuộc kiểm toán tuân thủ và kiểm toán tài chính.

Đề nâng tầm kiểm toán hoạt động như một loại hình kiểm toán độc lập trong hoạt động của KTNN nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiệu quả của loại hình kiểm toán này, KTNN đã khẩn trương tiến hành các bước để có thể đẩy mạnh chủ trương thực hiện kiểm toán hoạt động như: thành lập các phòng kiểm toán hoạt động; xây dựng chuẩn mực, quy trình, tài liệu đào tạo về KTHĐ; mời chuyên gia tư vấn, giảng dạy về kinh nghiệm thực hiện KTHĐ; triển khai thí điểm một số cuộc KTHĐ độc lập...

\* Kiểm toán nhà nước Chuyên ngành V



Trong vòng 10 năm trở lại đây, KTNN đã tiến hành kiểm toán hoạt động một số CTMTQG, nhưng chủ yếu chỉ mang tính lồng ghép với kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ. Thực tiễn hoạt động kiểm toán cho thấy còn nhiều bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm toán.

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi sẽ phân tích một số tồn tại và nguyên nhân của các tồn tại trong công tác tổ chức kiểm toán hoạt động đối với chương trình mục tiêu quốc gia do KTNN thực hiện để từ đó đưa ra các phương hướng, giải pháp thực hiện kiểm toán hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia một cách hiệu quả và hiệu lực.

## **2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong công tác tổ chức kiểm toán các Chương trình mục tiêu Quốc gia do KTNN thực hiện**

Qua nghiên cứu hồ sơ các cuộc kiểm toán CTMTQG do KTNN thực hiện, nguồn dữ liệu sơ cấp là tham khảo ý kiến của các Kiểm toán viên nhà nước có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kiểm toán các CTMTQG và một số cán bộ giữ vị trí chủ chốt tại các vụ chức năng liên quan đến việc thẩm định, phát hành kế hoạch và báo cáo kiểm toán của KTNN, các tác giả sẽ phân tích cụ thể một số hạn

chế và nguyên nhân của hạn chế trong từng giai đoạn kiểm toán hoạt động CTMTQG của KTNN: giai đoạn chuẩn bị kiểm toán, giai đoạn thực hiện kiểm toán và giai đoạn lập báo cáo kiểm toán.

### *Giai đoạn lập kế hoạch cho cuộc kiểm toán*

Kiểm toán hoạt động là một lĩnh vực rất phức tạp đòi hỏi phải đầu tư rất nhiều thời gian và công sức cho giai đoạn lập kế hoạch. Thực tế kiểm toán hoạt động của nhiều cơ quan kiểm toán trên thế giới cho thấy thời gian dành cho giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán thường nhiều gấp 3 lần so với giai đoạn thực hiện và lập báo cáo kiểm toán. Tuy nhiên, thực trạng kiểm toán hoạt động các CTMTQG do KTNN thực hiện lại theo xu hướng ngược lại.

Thực tế triển khai các cuộc kiểm toán CTMTQG đã cho thấy, việc xác định các tiêu chí đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của một CTMTQG không được đề cập đến trong giai đoạn chuẩn bị kiểm toán.

Chương trình kiểm toán chỉ ra các thủ tục kiểm toán cần thiết để thực hiện đánh giá các tiêu chí kiểm toán không được thiết kế theo yêu cầu của lý luận về kiểm toán hoạt động. Thực tế cho thấy trong cùng một cuộc kiểm toán, với đối tượng

kiểm toán có tính chất tương đương, nhiều phát hiện được chỉ ra bởi tổ kiểm toán này nhưng không được các tổ kiểm toán khác phát hiện.

Việc lựa chọn đơn vị được kiểm toán chủ yếu dựa trên quy mô của nguồn kinh phí kết hợp với ý kiến chủ quan của người lập kế hoạch kiểm toán nhiều hơn là dựa trên một phương pháp chọn mẫu hợp lý có thể đảm bảo được tính khách quan, công bằng và mẫu được chọn có thể đại diện được cho tổng thể. Tuy nhiên, trên thực tế, hạn chế về nguồn lực thực hiện kiểm toán (nhân lực, thời gian, kinh phí) cũng là một nguyên nhân của thực trạng này.

#### *Giai đoạn thực hiện kiểm toán*

Sử dụng các kỹ thuật kiểm toán để thu thập bằng chứng kiểm toán, phát triển các phát hiện kiểm toán nhằm đưa ra kết luận kiểm toán là nội dung chính của giai đoạn thực hiện kiểm toán. Tuy nhiên, do không xây dựng được chương trình kiểm toán, đồng thời kế hoạch kiểm toán chi tiết lập bởi các tổ trưởng tổ kiểm toán chủ yếu là phân công trách nhiệm và thời gian của các thành viên trong tổ cho việc thực hiện các phần việc liên quan đến kiểm toán chi tiết việc sử dụng kinh phí nên nội dung kiểm toán hoạt động chủ yếu mang tính hình thức, phát hiện và ghi nhận thiếu sót, thực trạng, chưa đi sâu vào phân tích tìm hiểu nguyên nhân mang tính hệ thống của những tồn tại đó. Các thủ tục kiểm toán sử dụng còn đơn giản, chủ yếu để nghị đơn vị cung cấp báo cáo, phỏng vấn nhà quản lý và ghi nhận trên thông tin mang tính một chiều đó. Thông tin từ các bên thứ ba chưa được kiểm toán viên quan tâm khai thác. Các kết luận, đánh giá, nhận xét của kiểm toán viên đưa ra trong quá trình thu thập bằng chứng kiểm toán phụ thuộc nhiều vào xét đoán cá nhân, kinh nghiệm nghề nghiệp trong khi kinh nghiệm nghề nghiệp của các kiểm toán viên lại rất khác nhau. Vì vậy, không tránh khỏi bằng chứng thu thập được không đảm bảo tính đầy đủ và thích hợp, dẫn đến chất lượng bằng chứng và phát hiện kiểm toán chưa cao, chưa tiết kiệm được thời gian, chi phí, hiệu quả hoạt động kiểm toán còn hạn chế. Một nguyên nhân quan trọng của hạn chế này đó là trình độ chuyên môn cũng như nhận thức về kiểm toán hoạt động

của kiểm toán viên nhà nước còn hạn chế. Bên cạnh đó, nhận thức của các đơn vị được kiểm toán về kiểm toán hoạt động cũng còn ở giai đoạn rất sơ khai nên sự phối hợp trong việc chuẩn bị, cung cấp hồ sơ tài liệu, nhân sự phục vụ cho nội dung kiểm toán hoạt động chưa thực sự có hiệu quả.

Việc không thiết lập được tiêu chí đánh giá ở khâu lập kế hoạch dẫn đến kiểm toán viên không có cơ sở để so sánh giữa tiêu chí và thực tế. Do đó, phát hiện kiểm toán trong toàn đoàn kiểm toán thường dàn trải, không đủ tập trung và nhất quán để có thể làm cơ sở khái quát lên thành phát hiện mang tính hệ thống trong báo cáo kiểm toán của cả Chương trình.

#### *Giai đoạn lập Báo cáo kiểm toán*

Kết quả kiểm toán đối với các cuộc kiểm toán CTMTQG mới chỉ thiên về phát hiện các sai sót và xử lý tài chính tăng thu, giảm chi ngân sách nhà nước mà chưa đi sâu đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực của các CTMTQG, chưa đưa ra được nhiều kiến nghị nhằm cải thiện tính kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu của chương trình. Dung lượng dành cho kiểm toán hoạt động trong một báo cáo kiểm toán CTMTQG chiếm tỷ lệ rất nhỏ (thường trong khoảng 1-2 trang) so với kiểm toán kinh phí và đánh giá tính tuân thủ. Nội dung kiểm toán hoạt động thiên về đánh giá việc triển khai thực hiện của từng chương trình cụ thể, của các cấp vi mô thực hiện chương trình và còn rất chung chung, hình thức. Kiểm toán hoạt động các CTMTQG chưa chú trọng đến đánh giá tính kinh tế, tính hiệu quả và tính hiệu lực của các cơ quan quản lý vĩ mô như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý chương trình trong việc xác định danh mục CTMTQG và xây dựng nội dung của từng CTMTQG cụ thể, tức chưa chú trọng đến kiểm toán khâu kế hoạch của các CTMTQG. Trên thực tế cho thấy mặc dù ngân sách rất hạn hẹp nhưng nhiều CTMTQG lại có mục tiêu chông chéo trong khi cơ chế quản lý tài chính của các chương trình lại có những điểm không đồng nhất.

Công tác soát xét, thẩm định báo cáo kiểm toán cũng là một vấn đề cần được nghiên cứu xem xét

cải thiện. Việc thẩm định báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán CTMTQG ở cấp vụ có chất lượng chưa cao do ảnh hưởng của tâm lý ngại va chạm và một phần do năng lực, trình độ của kiểm toán viên được giao nhiệm vụ thẩm định còn hạn chế. Thực tế cho thấy, các nội dung liên quan đến kiểm toán tài chính, kiểm toán tuân thủ trong báo cáo kiểm toán CTMTQG thường được thẩm định kỹ hơn, trong khi đó nội dung kiểm toán hoạt động gần như rất ít được đề cập.

Thời gian qua, KTNN đã thực hiện công khai kết quả kiểm toán, tuy nhiên mới chỉ dừng ở mức công khai kết quả kiểm toán tổng thể hàng năm và một vài cuộc kiểm toán được dư luận xã hội quan tâm. Điều này dẫn tới quy định về công khai kết quả kiểm toán chưa phát huy được mục đích của nó là bảo đảm tính minh bạch của hoạt động kiểm toán, tạo nên sức ép nâng cao chất lượng kiểm toán, mặt khác tạo nên sức ép từ dư luận xã hội đối với việc thực hiện các kiến nghị của KTNN, góp phần giúp các nguồn lực từ NSNN được sử dụng kinh tế, hiệu quả và đạt được mục tiêu đã định.

### **3. Giải pháp đề xuất nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán hoạt động các chương trình mục tiêu quốc gia**

Trên quan điểm và phương hướng của Kiểm toán nhà nước về phát triển kiểm toán hoạt động, chúng tôi đưa ra 06 giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kiểm toán hoạt động và giải quyết được các hạn chế nêu trên:

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức về kiểm toán hoạt động.

Nhận thức về kiểm toán hoạt động sẽ chi phối đến tinh thần và thái độ phối hợp công tác của khách thể kiểm toán với đoàn, tổ kiểm toán. Cuộc kiểm toán sẽ khó có thể đạt được hiệu quả cao nếu chỉ có nỗ lực đơn phương từ phía chủ thể của hoạt động kiểm toán. Nâng cao nhận thức về kiểm toán hoạt động cần được triển khai trên hai khía cạnh: nhận thức về chức năng kiểm toán hoạt động của KTNN và nhận thức về phương pháp, quy trình kiểm toán hoạt động thực hiện bởi KTNN.

KTNN cần đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên

truyền bằng nhiều hình thức khác nhau, chú trọng việc trao đổi và cung cấp thông tin cho báo chí, mở rộng kênh thông tin công khai kết quả kiểm toán và mở rộng phạm vi kết quả kiểm toán được công khai, tạo lập mối liên hệ thường xuyên, trước và sau cuộc kiểm toán với các đơn vị quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

*Thứ hai*, hướng dẫn và tổ chức áp dụng quy trình, chuẩn mực kiểm toán nhà nước, quy định hồ sơ mẫu biểu về kiểm toán hoạt động vào kiểm toán hoạt động các chương trình quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia.

Việc hướng dẫn và tổ chức áp dụng phải được triển khai đối với các giai đoạn kiểm toán, cụ thể: lập kế hoạch kiểm toán năm, lập kế hoạch kiểm toán cho cuộc kiểm toán hoạt động, thực hiện kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán.

*Thứ ba*, hoàn thiện tổ chức đoàn kiểm toán, tổ kiểm toán.

Định hướng lâu dài, KTNN nên tổ chức thành các đoàn kiểm toán chuyên đề về kiểm toán hoạt động các CTMTQG, kiểm toán tài chính và tuân thủ không phải là trọng tâm của cuộc kiểm toán mà là công cụ phục vụ cho đánh giá về kiểm toán hoạt động. Định hướng này sẽ tránh được hiện tượng chông chéo trong công tác kiểm toán, giúp đoàn kiểm toán có thể tập trung toàn bộ nguồn lực vào nội dung kiểm toán hoạt động. Có thể nhận thấy rằng tính kinh tế, hiệu quả, hiệu lực của các CTMTQG mới là vấn đề được Quốc hội, nhân dân quan tâm hơn cả.

Bên cạnh đó, thời gian của một cuộc kiểm toán hoạt động nên được linh hoạt, quyết định bởi mục tiêu và phạm vi của cuộc kiểm toán. Không nên áp dụng khung thời gian từ 2-3 tháng cho một cuộc kiểm toán như các cuộc kiểm toán tài chính và tuân thủ.

*Thứ tư*, hoàn thiện công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán.

Cần chú trọng việc tự kiểm soát trong nội bộ đoàn kiểm toán đối với giai đoạn thực hiện kiểm toán. Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành và khu vực đẩy mạnh việc kiểm soát chất lượng kiểm





toán, nhất là việc thực hiện mục tiêu kiểm toán và thu thập bằng chứng kiểm toán.

Một công cụ hữu hiệu hiện được nhiều cơ quan kiểm toán trên thế giới áp dụng trong kiểm soát chất lượng kiểm toán đó là sử dụng “danh sách kiểm tra” (audit checklist) cho từng cuộc kiểm toán hoạt động CTMTQG. Các đoàn kiểm toán cần nghiên cứu sử dụng “danh sách kiểm tra” được thiết kế dựa trên cơ sở tham khảo “systems audit checklist” của cơ quan KTNN Alberta (Canada) kết hợp với nghiên cứu thực tiễn kiểm toán hoạt động của KTNN Việt Nam.

*Thứ năm*, nâng cao năng lực của kiểm toán viên thực hiện kiểm toán hoạt động.

KTNN cần nâng cao năng lực và đạo đức nghề nghiệp của Kiểm toán viên nhà nước nói chung và trong lĩnh vực kiểm toán hoạt động các CTMTQG nói riêng theo hướng:

- Tăng cường đủ về mặt số lượng, cơ cấu và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho kiểm toán viên, chú trọng nâng cao nghiệp vụ kiểm toán hoạt động;

- Tiêu chuẩn hóa đội ngũ kiểm toán viên về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, về phẩm chất

đạo đức, năng lực tổ chức và trình độ chuyên môn hóa theo hướng thống nhất, đa dạng. Trong quá trình tuyển chọn cần chú ý tính cân đối, hợp lý giữa cơ cấu ngành nghề, cân đối giữa cán bộ, kiểm toán viên đã có kinh nghiệm thực tiễn công tác với việc tổ chức thi tuyển, tiếp nhận, hướng dẫn kiểm toán viên;

- Xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ công chức kiểm toán về mọi mặt và có mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, thích hợp với từng giai đoạn, trước hết là về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó chú trọng bồi dưỡng chuyên sâu theo loại hình kiểm toán, đối tượng kiểm toán, về kinh nghiệm kiểm toán trong môi trường công nghệ thông tin.

*Thứ sáu*, hoàn thiện cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị trong nội bộ KTNN.

Việc phối hợp và cung cấp thông tin cần chú ý những vấn đề sau:

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các KTNN chuyên ngành, KTNN khu vực và các đơn vị tham mưu trong thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, phân giao nhiệm vụ kiểm toán cần rõ ràng từ khi phân công kế hoạch kiểm toán năm. Việc phối hợp nên chú trọng vào những cuộc kiểm toán mà đối tượng

kiểm toán rộng, nằm rải rác trên địa bàn cả nước như các CTMTQG, cần có những bằng chứng và đánh giá mang tính toàn diện để tránh sự trùng lặp, chồng chéo về phạm vi, mục đích kiểm toán, tăng cường được tính hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực kiểm toán. Quy chế phối hợp này cần phải làm rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, hình thức báo cáo và trao đổi thông tin, hình thức xét duyệt và phát hành báo cáo kiểm toán, xử lý những công việc phát sinh sau khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị;

- Các đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm toán CTMTQG nên trao đổi kinh nghiệm kiểm toán hoặc những phát hiện kiểm toán nổi bật với nhau hoặc với các KTNN chuyên ngành và KTNN khu vực.

Các giải pháp và đề xuất nêu trên chỉ phát huy được hiệu quả khi đảm bảo các yêu cầu và điều kiện như sau:

*Điều kiện thứ nhất*, sự nhận thức đúng đắn về ý nghĩa và vai trò cần thiết phải kiểm toán hoạt động các CTMTQG là một trong những điều kiện quan trọng quyết định sự thành công của việc áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài này.

*Điều kiện thứ hai*, để việc áp dụng kết quả nghiên cứu của bài viết vào công tác lập kế hoạch kiểm toán hoạt động các CTMTQG đặc biệt cần có sự phối hợp giữa KTNN chuyên ngành V, với KTNN các chuyên ngành và khu vực, các cơ quan tham mưu của KTNN, các cơ quan liên quan đến CTMTQG từ khâu khảo sát thu thập thông tin, lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, lập và phát hành báo cáo kiểm toán, kiểm tra thực hiện kiến nghị kiểm toán.

*Điều kiện thứ ba*, công tác đào tạo kỹ năng, tập huấn nội dung hướng dẫn kiểm toán hoạt động các CTMTQG cho các kiểm toán viên, thành viên tham gia đoàn kiểm toán và thực hiện nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra, kiểm soát chất lượng kiểm toán là yêu cầu cần thiết và có ý nghĩa rất quan trọng với kết quả nghiên cứu của đề tài, nhằm đảm bảo kiến nghị của đề tài vận dụng tốt trong quá trình xây dựng, lập kế hoạch kiểm toán hoạt động nói chung và kiểm toán các CTMTQG nói riêng.

## Kết luận

Xuất phát từ tầm quan trọng việc kiểm toán hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia, đòi hỏi KTNN phải sớm nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ các bất cập, hạn chế còn tồn tại trong công tác tổ chức kiểm toán hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia nhằm đưa ra các giải pháp để thực hiện kiểm toán hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia một cách hiệu quả và hiệu lực. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đã đề xuất sáu giải pháp nhằm tổ chức kiểm toán hoạt động đồng thời cũng nêu rõ ba điều kiện quan trọng để các giải pháp có thể phát huy được hiệu quả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chuẩn mực quốc tế của các Cơ quan kiểm toán tối cao (ISSAIs)*;
2. *Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán nhà nước được ban hành kèm theo Quyết định 02/2016/QĐ-KTNN ngày 15/7/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước*;
3. *Kế hoạch chiến lược phát triển Kiểm toán nhà nước giai đoạn 2013-2017 ban hành kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-KTNN ngày 09/10/2013*;
4. *Kế hoạch kiểm toán và Báo cáo kiểm toán các Chương trình mục tiêu quốc gia do Kiểm toán nhà nước phát hành từ năm 2010 đến hết năm 2017*;
5. *Luật Kiểm toán nhà nước năm 2005 và Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015*;
6. *Quy trình kiểm toán chương trình mục tiêu quốc gia của KTNN được ban hành kèm theo các Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007, Quyết định số 06/2009/QĐ-KTNN ngày 23/10/2009, Quyết định số 02/2012/QĐ-KTNN ngày 04/4/2012 và Quyết định số 05/2017/QĐ-KTNN ngày 04/4/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước*;
7. *Quy trình kiểm toán hoạt động của KTNN được ban hành kèm theo Quyết định 07/2017/QĐ-KTNN ngày 20/6/2017 của Tổng Kiểm toán nhà nước*;

## LẠM PHÁT NĂM 2019:

LO TÁC ĐỘNG TỪ BIẾN ĐỘNG  
KINH TẾ THẾ GIỚI

MINH YẾN

**C**hính sách kinh tế vĩ mô trong nước ổn định, thị trường quốc tế không có biến động quá lớn là những yếu tố giúp lạm phát của Việt Nam đang ở trong giai đoạn bình ổn. Năm 2019, diễn biến khó lường của kinh tế thế giới là yếu tố quan trọng tác động đến kinh tế Việt Nam, trong đó có chỉ số giá tiêu dùng (CPI).

**Giai đoạn ổn định vừa phải**

Từ năm 2013 đến nay, CPI bình quân năm chỉ giao động từ 0,63% đến 6,6%. Đây được coi là mức tăng khá thấp so với giai đoạn trước đó. Đáng chú ý, năm 2017 và năm 2018, CPI bình quân năm gần bằng nhau ở mức thấp vừa phải, lần lượt là 3,53% và 3,54%. Đây là kết quả từ nỗ lực của Chính phủ trong việc điều hành chính sách vĩ mô ổn định đồng thời duy trì đà tăng trưởng kinh tế ở mức khá cao.

Nhận xét về diễn biến lạm phát trong cả giai đoạn vừa qua, TS.Vũ Đình Ánh - Viện Kinh tế Tài chính nói: “Lạm phát nước ta đang trong giai đoạn ổn định ở mức vừa phải nhờ cả các yếu tố chủ quan từ chính sách kinh tế vĩ mô lẫn yếu tố khách quan từ thị trường quốc tế. Bài học về điều hành thị trường giá cả tránh tăng giá đột ngột trong thời gian ngắn, kết hợp tốt các yếu tố khách quan và chủ quan trong điều chỉnh tăng giá viện phí và học phí theo lộ trình đã thực hiện trong năm 2018 là rất quan trọng các năm tiếp theo”.

Khá tương đồng quan điểm với những nhận xét nêu trên, TS. Nguyễn Ngọc Tuyến, Học viện Tài chính cho rằng, CPI năm 2018 tăng với mức thấp hơn dự kiến và lạm phát cơ bản luôn thấp hơn lạm phát bình quân là kết quả của công tác quản lý tích cực, chủ động của Chính phủ nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển ổn định và bền vững nền kinh tế. Bên cạnh đó, các giải pháp nhằm kiểm chế lạm phát và ổn định giá cả, thị trường trong năm

được ban hành và thực thi một cách kịp thời và có hiệu quả tích cực.

**Vẫn còn thách thức**

Dự báo về diễn biến lạm phát năm 2019, TS. Nguyễn Đức Độ, Phó Viện trưởng Viện Kinh tế Tài chính đưa ra 3 kịch bản cho năm 2019. Với kịch bản trung bình, lạm phát sẽ tăng khoảng 0,14%/tháng (chưa tính điều chỉnh giá điện, giá dịch vụ y tế và giáo dục), tương đương với mức tăng của lạm phát cơ bản trong năm 2018. Với mức tăng này, lạm phát cùng kỳ tháng 12 năm 2019 sẽ ở mức khoảng 1,7% và lạm phát trung bình sẽ chỉ ở mức trên 2%. Tuy nhiên, do Chính phủ sẽ điều chỉnh giá dịch vụ theo lộ trình nên lạm phát trung bình sẽ cao hơn, nhưng khả năng sẽ chỉ ở mức khoảng 3%.

Trong kịch bản thấp, giá dầu tiếp tục giảm và tỷ giá VND/USD chỉ tăng 1%, lạm phát cùng kỳ của tháng 12/2019 có thể chỉ ở mức 1% và lạm phát trung bình cả năm 2019 chỉ ở mức 2,5%.

Còn với kịch bản cao, giá xăng dầu tăng mạnh trở lại và tỷ giá có mức tăng tương đương với mức tăng của năm 2018, đồng thời Chính phủ vẫn điều chỉnh giá dịch vụ theo lộ trình, lạm phát trung bình cả năm 2019 sẽ vẫn thấp hơn mức 3,54% của năm 2018. “Về tổng thể, có thể nhận định rằng mục tiêu kiểm chế lạm phát dưới 4% trong năm 2019 gần như chắc chắn sẽ đạt được”, TS.Độ dự báo.

Trong khi đó, theo ông Vũ Đình Ánh, xu thế bình ổn có thể tiếp diễn trong năm nay khi dự báo thị trường thế giới không có biến động quá



lớn về giá, đồng thời, các chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam đều lấy ổn định và thận trọng làm phương châm chỉ đạo. “Dĩ nhiên, biến động quá mạnh của giá dầu thô do biến động chính trị thế giới có thể tác động mạnh tới lạm phát của Việt Nam năm 2019, song tôi tin là Chính phủ đã có biện pháp ứng phó phù hợp để đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát cả năm”, ông Ánh nói.

Còn theo TS. Nguyễn Ngọc Tuyền, Viện Kinh tế Tài chính, Học viện Tài chính thì tình hình kinh tế - xã hội – chính trị thế giới năm 2019 sẽ có biến động rất khó dự báo và điều đó cũng sẽ tác động không nhỏ tới kinh tế Việt Nam. Đáng chú ý, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc khó có thể lắng dịu và nhiều khả năng sẽ càng căng thẳng hơn. Giá cả hàng hóa và dịch vụ trên thị trường thế giới có thể sẽ tăng cao hơn khiến kinh tế Việt Nam phải đối mặt các thách thức mới.

Về chính sách tiền tệ, theo ông Tuyền, Việt Nam đang thực hiện chính sách tỷ giá cố định tương đối so với đồng USD trong một thời gian khá dài. Thời gian vừa qua, đồng USD liên tục lên giá và nhiều dự báo cho rằng Cục dự trữ liên bang Mỹ tiếp tục nâng lãi suất đồng USD trong năm 2019. Điều này có thể làm cho VND suy yếu, từ đó, có thể khuyến

khích xuất khẩu trong ngắn hạn song có thể dẫn tới rủi ro về tỷ giá trong trung và dài hạn.

Từ những phân tích và dự báo này, ông Tuyền đưa ra một số giải pháp để kiểm soát CPI theo mục tiêu đã đặt ra.

Đó là, tiếp tục chính sách quản lý, điều hành giá linh hoạt hướng tới mục tiêu ổn định giá cả, ổn định kinh tế vĩ mô. Theo dõi kịp thời biến động của giá thực phẩm, giá vật liệu xây dựng, giá đồ dùng gia đình, giá xăng dầu là những sản phẩm có tác động lớn tới chỉ số giá tiêu dùng chung và thực hiện các giải pháp điều chỉnh kịp thời nhằm ổn định giá.

“Bên cạnh đó, việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục phải rất lưu ý tới mức độ điều chỉnh và thời điểm để không ảnh hưởng nhiều tới chỉ số giá tiêu dùng chung. Đồng thời, nên nghiên cứu kỹ về tỷ giá, xem xét và từng bước điều chỉnh tăng dần từng bước phù hợp với thị trường, không nên giữ cố định tỷ giá quá lâu như hiện nay. Thực hiện các biện pháp tăng tính hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, giảm thâm hụt ngân sách nhà nước, giảm vay nợ, sử dụng có hiệu quả vốn vay”, ông Tuyền nhấn mạnh.